



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 101B4	7h00'	8h00'	30
02	Phòng 102B4	7h00'	8h00'	30
03	Phòng 104B4	7h00'	8h00'	33
04	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	31
05	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	32
06	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	29
07	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	32
08	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	33

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10, NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 01

ĐỊA ĐIỂM: P.101- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0023411166	Lê Thị Hoàng Ái	Nữ	Kinh	06/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
2	002	0023410822	Phạm Thị Thúy Ái	Nữ	Kinh	29/5/2005	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
3	003	0023410665	Lê Mai An	Nữ	Kinh	30/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
4	004	0022411621	Nguyễn Trị An	Nam	Kinh	25/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
5	005	0024416458	Tạ Trần Bình An	Nam	Kinh	06/3/2006	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
6	006	0023410504	Huỳnh Minh Anh	Nữ	Kinh	05/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
7	007	089306008765	Lưu Tú Anh	Nữ	Kinh	07/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
8	008	0023410114	Nguyễn Ngọc Thúy Anh	Nữ	Kinh	11/5/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
9	009	0024417087	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	Kinh	25/10/2006	Nam Định	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
10	010	0022412030	Nguyễn Văn Anh	Nam	Kinh	29/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
11	011	0023414074	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	Kinh	19/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
12	012	0024417310	Trần Nam Anh	Nam	Kinh	11/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
13	013	0022410226	Võ Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	28/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
14	014	0024417472	Lê Bằng Bằng	Nữ	Kinh	15/8/2006	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
15	015	0023410349	Lê Hữu Bằng	Nam	Kinh	20/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
16	016	0023413852	Nguyễn Hoài Bảo	Nam	Kinh	10/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
17	017	0024417504	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	Kinh	11/4/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
18	018	0023412804	Lê Thanh Bình	Nam	Kinh	14/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
19	019	0024417198	Lê Thị Mộng Bình	Nữ	Kinh	29/6/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
20	020	087306006036	Nguyễn Thị Thùy Châm	Nữ	Kinh	28/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
21	021	0023411047	Huỳnh Mộng Chân	Nữ	Kinh	14/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
22	022	0024415570	Đoàn Thị Kim Chi	Nữ	Kinh	15/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
23	023	0023414079	Võ Trần Yến Chi	Nữ	Kinh	16/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
24	024	0021411171	Trần Thị Nhiều Đan	Nữ	Kinh	27/12/2003	An Giang	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
25	025	0024416968	Nguyễn Khải Đăng	Nam	Kinh	09/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
26	026	0022412480	Lê Tấn Đạt	Nam	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
27	027	0023411930	Lương Phát Đạt	Nam	Kinh	21/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
28	028	0022411854	Ngô Tấn Đạt	Nam	Kinh	04/12/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
29	029	0023413489	Nguyễn Phước Đạt	Nam	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4
30	030	0023411270	Nguyễn Thành Đạt	Nam	Kinh	07/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	101- B4	101- B4

Tổng số thí sinh: 30



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 02

ĐỊA ĐIỂM: P.102- B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	031	0024417239	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	Kinh	13/4/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
2	032	0023413039	Võ Thành Đạt	Nam	Kinh	08/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
3	033	0022412045	Võ Thành Đạt	Nam	Kinh	09/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
4	034	0023410358	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	27/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
5	035	0023412424	Nguyễn Trần Diệp	Nam	Kinh	27/12/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
6	036	0024417934	Lâm Thế Diệp	Nữ	Kinh	27/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
7	037	0024416136	Đỗ Khánh Dư	Nam	Kinh	28/02/2006	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
8	038	0024419234	Lê Thị Mỹ Dung	Nữ	Kinh	19/8/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
9	039	0023412377	Đỗ Văn Đựng	Nam	Kinh	08/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
10	040	0022410757	Trần Thị Gấm	Nữ	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
11	041	0020411221	Nguyễn Hoàng Giang	Nam	Kinh	16/11/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
12	042	0023410200	Thịnh Hương Giang	Nữ	Kinh	02/9/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
13	043	0023410545	Trần Huỳnh Mỹ Hà	Nữ	Kinh	27/11/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
14	044	0022410250	Võ Mỹ Hà	Nữ	Kinh	09/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
15	045	0024416999	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	Kinh	16/5/2006	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
16	046	0024310031	Hoàng Thị Minh Hằng	Nữ	Kinh	01/9/2006	Ninh Bình	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
17	047	0023410698	Lê Anh Hào	Nam	Kinh	16/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
18	048	0023412367	Nguyễn Nhất Hào	Nam	Kinh	07/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
19	049	0022412522	Trần Nguyễn Quang Hiên	Nam	Kinh	23/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
20	050	0023410672	Trần Thị Ngọc Hiện	Nữ	Kinh	24/4/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
21	051	0024415447	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	Kinh	14/5/2006	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
22	052	0022411910	Phan Trung Hiếu	Nam	Kinh	18/4/2004	Hậu Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
23	053	0023310006	Lê Thị Kim Hồng	Nữ	Kinh	10/5/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
24	054	0022411853	Nguyễn Nhựt Hồng	Nam	Kinh	04/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
25	055	0022411893	Phan Thế Hùng	Nam	Kinh	13/12/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
26	056	0022411999	Lê Tuấn Hưng	Nam	Kinh	16/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
27	057	0023414056	Bùi Thị Diễm Hương	Nữ	Kinh	24/9/2005	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
28	058	0023413038	Nguyễn Trọng Hữu	Nam	Kinh	22/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
29	059	0022412196	Đoàn Nguyễn Phước Huy	Nam	Kinh	04/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
30	060	0023412043	Nguyễn Ngọc Huy	Nam	Kinh	06/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4

Tổng số thí sinh: 30



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	061	0024416849	Nguyễn Quang Huy	Nam	Kinh	25/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
2	062	0022410122	Văn Dương Quốc Huy	Nam	Kinh	26/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
3	063	0023410274	Võ Hoàng Huy	Nam	Kinh	02/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
4	064	0023412684	Bùi Thị Kim Huyền	Nữ	Kinh	09/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
5	065	0023413458	Lê Thị Kim Huyền	Nữ	Kinh	26/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
6	066	0023411747	Nguyễn Thị Ngọc Huýnh	Nữ	Kinh	02/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
7	067	0022410601	Nguyễn Thị Phương Huýnh	Nữ	Kinh	31/10/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
8	068	0021412492	Tạ Tấn Khang	Nam	Kinh	05/9/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
9	069	0023411012	Dương Minh Khanh	Nam	Kinh	05/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
10	070	0022411179	Nguyễn Minh Khánh	Nam	Kinh	27/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
11	071	0022411867	Nguyễn Lý Y Khoa	Nữ	Kinh	27/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
12	072	0023412321	Trương Đăng Khôi	Nam	Kinh	30/11/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
13	073	0022411109	Nguyễn Hữu Kiện	Nam	Kinh	18/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
14	074	0023410097	Phạm Minh Kiện	Nam	Kinh	01/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
15	075	0023412348	Đặng Văn Kiệt	Nam	Kinh	11/12/2005	An Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
16	076	0022411089	Lê Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	31/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
17	077	0023412173	Lê Tuấn Kiệt	Nam	Kinh	16/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
18	078	0024310028	Lý Thị Thúy Kiều	Nữ	Khmer	11/02/2006	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
19	079	0023412296	Nguyễn Ngọc Vân Kiều	Nữ	Kinh	16/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
20	080	0022410758	Nguyễn Thị Thuý Kiều	Nữ	Kinh	26/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
21	081	0022411688	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Nữ	Kinh	06/02/2004	Long An	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
22	082	0022410385	Trần Thị Kim Kỳ	Nữ	Kinh	20/02/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
23	083	0023411060	Đặng Thị Phương Lan	Nữ	Kinh	04/10/2005	Nam Định	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
24	084	0023411782	Trần Thị A Len	Nữ	Kinh	19/9/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
25	085	0022410208	Huýnh Thị Hồng Linh	Nữ	Kinh	13/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
26	086	0022410838	Lê Tuyết Linh	Nữ	Kinh	27/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
27	087	0023411439	Phạm Thị Ngọc Linh	Nữ	Kinh	06/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
28	088	0022310051	Trần Thị Thuý Linh	Nữ	Kinh	28/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
29	089	00234104013	Võ Thị Khánh Linh	Nữ	Kinh	22/3/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
30	090	0024418306	Nguyễn Thành Lộc	Nam	Kinh	20/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
31	091	0023412664	Trần Anh Lợi	Nam	Kinh	24/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
32	092	0022411740	Nguyễn Minh Luân	Nam	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4
33	093	0023412532	Bùi Thị Cẩm Ly	Nữ	Kinh	24/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	104- B4	104- B4

Tổng số thí sinh: 33



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 04

ĐỊA ĐIỂM P.201-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	094	0023410670	Lâm Lý Ly	Nữ	Kinh	07/7/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	095	0024415497	Trịnh Võ Trúc Ly	Nữ	Kinh	05/02/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	096	0022411498	Đặng Xuân Mai	Nữ	Kinh	17/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	097	0023413611	Hà Xuân Mai	Nữ	Kinh	10/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	098	0023414131	Nguyễn Thị Thùy Mị	Nữ	Kinh	29/01/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	099	0015411453	Đỗ Yến Minh	Nữ	Kinh	06/01/1996	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	100	0022412722	Lâm Hạnh Minh	Nữ	Kinh	26/01/2004	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	101	089091009290	Nguyễn Nhật Minh	Nam	Kinh	19/02/1991	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	102	0023412374	Lương Thị Diễm Mơ	Nữ	Kinh	12/12/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	103	0024415624	Hồ Hà My	Nữ	Kinh	24/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	104	0022411306	Nguyễn Hà My	Nữ	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	105	0023413150	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	Kinh	22/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	106	0022411487	Lê Hải Nam	Nam	Kinh	10/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	107	0024417473	Lê Phương Hoài Nam	Nam	Kinh	30/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	108	0022411033	Nguyễn Hoàng Phương Nam	Nam	Kinh	07/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	109	0024417048	Son Hoàng Nam	Nam	Khmer	06/10/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	110	0024416642	Nguyễn Thiện Năng	Nam	Kinh	06/7/2006	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	111	0022410791	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	09/8/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	112	0023310042	Đỗ Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	20/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	113	0023310028	Huỳnh Lê Khánh Ngân	Nữ	Kinh	04/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	114	0021411489	Huỳnh Võ Hiền Ngân	Nữ	Kinh	03/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	115	0022412242	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	25/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	116	0024416611	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	19/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	117	0024416466	Võ Lê Kim Ngân	Nữ	Kinh	12/3/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	118	0024417210	Võ Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	24/6/2006	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	119	0022410240	Nguyễn Thị Phương Nghi	Nữ	Kinh	18/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	120	0023410044	Võ Trọng Nghĩa	Nam	Kinh	19/6/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	121	0023410099	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	Kinh	01/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	122	0022412542	Phạm Thị Minh Ngọc	Nữ	Kinh	26/8/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	123	0023411412	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	Kinh	12/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	124	0023414055	Trịnh Thị Bảo Ngọc	Nữ	Kinh	28/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 31



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 05

ĐỊA ĐIỂM: P.202-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi		
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	125	0024415615	Võ Thị Diệu	Nguyên	Nữ	Kinh	21/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	126	0022410751	Bùi Thị Thanh	Nhân	Nữ	Kinh	06/3/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	127	0023413330	Đoàn Thanh	Nhân	Nam	Kinh	07/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	128	0021411567	Trần Thị Thanh	Nhân	Nữ	Kinh	27/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	129	0024417762	Đoàn Hữu	Nhân	Nam	Kinh	13/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	130	0024417406	Lê Hoài	Nhân	Nam	Kinh	01/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	131	0024418414	Lê Hữu	Nhân	Nam	Kinh	01/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	132	0024416794	Âu Hoàng	Nhi	Nữ	Kinh	08/6/2006	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	133	0022412686	Bùi Ngô Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	17/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	134	0023413508	La Cẩm	Nhi	Nữ	Kinh	15/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	135	0022410153	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Nữ	Kinh	09/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	136	0023412182	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	17/11/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	137	0024416958	Nguyễn Trần Yến	Nhi	Nữ	Kinh	13/01/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	138	0024417113	Cao Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	14/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	139	0024416448	Đoàn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/01/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	140	0023310027	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	07/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	141	0022411551	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	142	0022411852	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	Nữ	Kinh	01/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	143	0023411260	Huỳnh Đông	Nhật	Nam	Kinh	27/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	144	0024416200	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	Kinh	19/8/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	145	0022411122	Nguyễn Hồng	Phát	Nam	Kinh	28/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	146	0022412277	Phạm Tấn	Phát	Nam	Kinh	04/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	147	0024416275	Võ Văn	Phong	Nam	Kinh	21/3/2006	Trà Vinh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	148	0022410609	Lê Văn	Phúc	Nam	Kinh	07/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	149	0022411660	Trần Thanh	Phúc	Nam	Kinh	01/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	150	0022410441	Trần Tiểu	Phụng	Nữ	Kinh	25/5/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	151	0022411718	Đặng Ngọc	Quý	Nữ	Kinh	20/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	152	0023410451	Nguyễn Thành	Quý	Nam	Kinh	18/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	153	0024418128	Bùi Thị Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	23/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	154	0023410109	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	13/02/2005	Hậu Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	155	087307014311	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	Kinh	20/8/2007	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
32	156	0023310009	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	08/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 06

ĐỊA ĐIỂM: P. 203-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi		
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	157	0023413963	Trần Hồ Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	02/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	158	0024418743	Bùi Nguyễn Minh	Tâm	Nam	Kinh	20/11/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	159	0022411650	Huỳnh Minh	Tâm	Nam	Kinh	16/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	160	0023412376	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	Kinh	15/9/2005	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	161	0024418941	Hồ Duy	Tân	Nam	Kinh	31/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	162	0023410411	Nguyễn Thành	Tân	Nam	Kinh	14/01/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	163	0023310038	Nguyễn Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	164	0022410245	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	17/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	165	0023411754	Võ Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	03/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	166	0022410136	Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	Kinh	11/3/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	167	0024418241	Nguyễn Văn	Thành	Nam	Kinh	13/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	168	0023410704	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Nữ	Kinh	10/10/2005	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	169	0022412441	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	19/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	170	0023410480	Nguyễn Thị Kim	Thi	Nữ	Kinh	16/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	171	0021411770	Diệp Thị Kim	Thơ	Nữ	Kinh	07/12/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	172	0024416126	Dương Thị Mai	Thơ	Nữ	Kinh	21/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	173	0023413853	Giang Phước	Thọ	Nam	Kinh	29/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	174	0022411858	Nguyễn Lê Việt	Thông	Nam	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	175	087309001967	Đặng Minh	Thư	Nữ	Kinh	09/4/2009	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	176	0022412026	Dương Anh	Thư	Nữ	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	177	0023310019	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	22/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	178	0022411990	Lê Nguyễn Cẩm	Thư	Nữ	Kinh	26/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	179	0023413665	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	Kinh	12/8/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	180	0021410871	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	01/7/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	181	0022410559	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	Kinh	21/3/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	182	0024417037	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	25/5/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	183	0023411751	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	Nữ	Kinh	04/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	184	0022410470	Trần Minh	Thư	Nữ	Kinh	23/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
29	185	0023410511	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	17/5/2004	Đồng Tháp		08h00'		204- B4

Tổng số thí sinh: 29



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 07

ĐỊA ĐIỂM: P.204-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	186	0024310054	Trương Việt Anh	Thư	Nữ	Kinh	09/5/2006	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	187	0024417734	Đỗ Thị Thanh	Thương	Nữ	Kinh	01/01/2006	Kiên Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	188	0025440134	Triệu Thị Cẩm	Thương	Nữ	Kinh	12/04/1984	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	189	0022411258	Nguyễn Thị Minh	Thuy	Nữ	Kinh	11/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	190	0024310068	Lê Yến Xuân	Thủy	Nữ	Kinh	03/02/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	191	0024417607	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	Kinh	15/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	192	0023411871	Nguyễn Anh	Thy	Nữ	Khmer	16/11/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	193	0021410906	Nguyễn Ngọc Lan	Tiên	Nữ	Kinh	05/7/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	194	0023410653	Trần Minh	Tiến	Nam	Kinh	18/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	195	087196007006	Nguyễn Song	Tiền	Nữ	Kinh	12/5/1996	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	196	087206008562	Nguyễn Hữu	Tính	Nam	Kinh	01/3/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	197	0024417637	Nguyễn Phạm Bạch	Tổ	Nữ	Kinh	24/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	198	0023412919	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	28/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	199	0024415547	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	31/10/2006	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	200	0024418465	Võ Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	05/7/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	201	0023410518	Đỗ Trương Bảo	Trân	Nữ	Kinh	14/5/2025	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	202	0023411990	Lê Thảo	Trân	Nữ	Kinh	09/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	203	0024416764	Ngô Thị Quyền	Trân	Nữ	Kinh	01/4/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	204	0024417518	Nguyễn Thị Huế	Trân	Nữ	Kinh	17/10/2006	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	205	0023410732	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	21/6/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	206	0022411233	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	Kinh	03/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	207	0022410210	Phan Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	17/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	208	0023411716	Phan Thị Mỹ	Trân	Nữ	Kinh	21/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	209	0022411595	Nguyễn Trúc Thu	Trang	Nữ	Kinh	13/3/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	210	0024419666	Vũ Thị Thuý	Trang	Nữ	Kinh	20/6/2006	Bà Rịa - Vũng Tàu	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	211	087307013001	Mai Lý Thu	Tri	Nữ	Kinh	21/3/2007	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	212	0024416954	Bùi Thị Diễm	Trình	Nữ	Kinh	12/6/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	213	0023411719	Nguyễn Thị Cẩm	Trình	Nữ	Kinh	06/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	214	0022411868	Quách Nguyễn Diễm	Trình	Nữ	Kinh	03/5/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	215	0024417494	Nguyễn Đăng	Trình	Nam	Kinh	30/9/2006	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	216	0024417056	Bùi Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	20/7/2006	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	217	0023411687	Cao Thị Bé	Trúc	Nữ	Kinh	31/8/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 32



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 10 NGÀY 17/8/2025

PHÒNG THI SỐ: 08

ĐỊA ĐIỂM: P. 206-B4

LÝ THUYẾT: 06h45

THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới i	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	218	0024417051	Đoàn Thanh Trú	Nữ	Kinh	20/12/2006	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	219	0023413151	Nguyễn Phương Trú	Nữ	Kinh	25/4/2021	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	220	0023412477	Trần Quốc Trung	Nam	Kinh	06/01/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	221	0022412215	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	222	0023412977	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	Kinh	28/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	223	0023412464	Phan Nguyễn Đình Tuấn	Nam	Kinh	23/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	224	0023412245	Huỳnh Thị Mỹ Tuyền	Nữ	Kinh	24/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	225	0023411882	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	Kinh	25/7/2005	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	226	0022411945	Võ Thị Bích Tuyền	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	227	0023412247	Lê Đào Bảo Uyên	Nữ	Kinh	19/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	228	0022411672	Phạm Thị Kim Uyên	Nữ	Kinh	15/5/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	229	0023414238	Trần Kim Vân	Nữ	Kinh	27/01/2005	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	230	0023411598	Lê Quốc Việt	Nam	Kinh	07/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	231	0023414162	Trần Văn Vĩnh	Nam	Kinh	01/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	232	087306011582	Lại Nguyễn Kiều Vy	Nữ	Kinh	05/10/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	233	0024416158	Nguyễn Hồ Kiều Vy	Nữ	Kinh	30/6/2006	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	234	0022412308	Phạm Yến Vy	Nữ	Kinh	15/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	235	0023412581	Phùng Võ Thúy Vy	Nữ	Kinh	21/01/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	236	0023413448	Trần Ngọc Thuý Vy	Nữ	Kinh	06/3/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	237	087306007604	Lê Thanh Xuân	Nữ	Kinh	20/9/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	238	0022410790	Phạm Thanh Xuân	Nữ	Kinh	12/02/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	239	0023412355	Lê Thị Mỹ Xuyên	Nữ	Kinh	06/01/2005	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	240	087199012071	Trần Thị Bích Xuyên	Nữ	Kinh	18/9/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
24	241	0023412175	Bùi Như Ý	Nữ	Kinh	01/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
25	242	0024416190	Nguyễn Ngọc Hải Yến	Nữ	Kinh	06/12/2006	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
26	243	0020410774	Vũ Hồng Yến	Nữ	Kinh	26/10/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
27	244	0023411697	Phạm Hoài Chương	Nam	Kinh	12/6/2005	Bến Tre	6h45'		206- B4	
28	245	0021412233	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	29/12/2003	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
29	246	0022411496	Trần Lê Bích Hợp	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
30	247	0022411505	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	Kinh	01/9/2004	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
31	248	0024417438	Huỳnh Thị Diễm Thơ	Nữ	Kinh	27/01/2006	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
32	249	0023411096	Võ Diệp Mai Vi	Nữ	Kinh	31/01/2005	Đồng Tháp	6h45'		206- B4	
33	250	0022411911	Nguyễn Ngọc Hiền	Nữ	Kinh	30/12/2004	Vĩnh Long		08h00'		206- B4

Tổng số thí sinh: 33